



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

11.11.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

WASHED OUT MARKET – CUNG ĐÃ RỮ SẠCH, ĐÁY NGẮN HẠN HÌNH THÀNH

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	362
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	268
Số cổ phiếu giảm giá	58
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	36

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	203
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	104
Số cổ phiếu giảm giá	46
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	53

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	350
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	187
Số cổ phiếu giảm giá	80
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	83

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	59,047.65	77,711.29	(18,663.64)
% KL toàn thị trường	7.79%	10.26%	
Giá trị	2,253,494	2,639,610	(386,116)
% GT toàn thị trường	10.18%	11.92%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,642.90	4,218.78	(2,575.88)
% KL toàn thị trường	7.79%	10.26%	
Giá trị	30,511	108,142	(77,631)
% GT toàn thị trường	2.10%	7.43%	

UPCOM

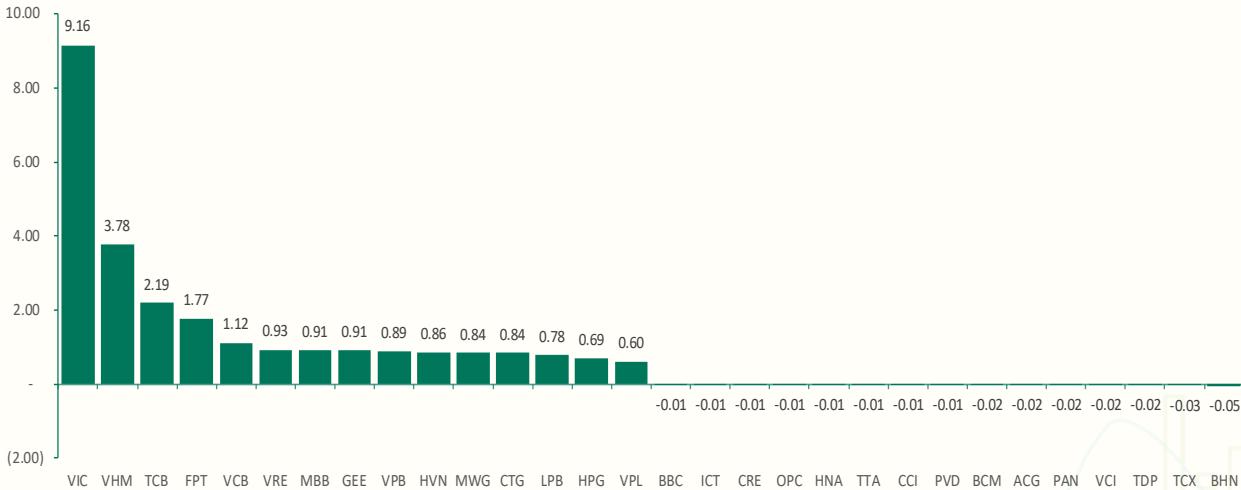
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	310.80	545.87	(235.07)
% KL toàn thị trường	1.22%	2.15%	
Giá trị	45,275	45,252	24
% GT toàn thị trường	8.28%	8.28%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	3,885,100	211,200	10,200 (5.07%)	90.45	5.06	2,335	819,557
2	VCB	2,012,700	59,500	600 (1.02%)	11.88	2.23	5,008	497,163
3	VHM	4,720,500	94,000	4,000 (4.44%)	15.02	1.64	6,259	386,097
4	BID	2,029,800	38,250	250 (0.66%)	9.83	1.60	3,890	268,567
5	CTG	6,635,000	49,200	700 (1.44%)	7.93	1.56	6,207	264,204
6	TCB	12,025,800	35,000	1,350 (4.01%)	11.24	1.38	3,113	248,018
7	VPB	16,274,200	28,000	500 (1.82%)	10.76	1.39	2,603	222,150
8	HPG	30,662,900	27,000	400 (1.5%)	12.52	1.63	2,157	207,238
9	MBB	17,528,300	23,700	500 (2.16%)	5.85	1.43	4,051	190,903
10	FPT	6,635,300	100,600	4,500 (4.68%)	16.80	4.00	5,988	171,373

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+2.23%	+39.29%	1,598
Tài chính	+1.76%	+24.96%	105
Tổ chức tín dụng	+1.77%	+24.24%	29
Dịch vụ tài chính	+1.46%	+34.18%	63
Bảo hiểm	+2.84%	+24.73%	13
Bất động sản	+3.93%	+124.68%	134
Công nghiệp	+1.96%	+28.22%	400
Vận tải	+1.87%	+20.82%	116
Hàng hóa công nghiệp	+2.38%	+43.32%	230
Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	+0.44%	+36.16%	54
Tiêu dùng thiết yếu	+1.93%	+14.11%	168
Nguyên vật liệu	+1.53%	+12.61%	283
Tiện ích	+0.79%	+5.06%	154
Tiện ích	+0.79%	+5.06%	154
Tiêu dùng không thiết yếu	+2.10%	+20.69%	186
Thương mại hàng không thiết yếu	+2.23%	+21.73%	65
Dịch vụ tiêu dùng	+2.27%	-4.34%	37
Thời trang và hàng lâu bền	+0.97%	+57.80%	71
Xe và linh kiện	+0.99%	-0.54%	13
Dịch vụ truyền thông	+1.91%	-20.25%	41
Dịch vụ viễn thông	+1.99%	-21.68%	18
Truyền thông và giải trí	+0.56%	+8.90%	23
Công nghệ thông tin	+4.51%	-22.43%	16
Phần mềm và dịch vụ	+4.51%	-23.21%	9
Phần cứng và thiết bị	+4.80%	+94.28%	7
Năng lượng	+1.12%	-2.52%	53
Chăm sóc sức khỏe	+0.98%	+7.80%	58
Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	+0.86%	+11.73%	47
Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	+2.21%	-32.03%	11

Washed out market - Cung đã rũ sạch, đáy ngắn hạn hình thành

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 38.25 điểm (+ 2.40 %) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Phần mềm dịch vụ, bất động sản, bảo hiểm, hàng hóa công nghiệp, thương mại hàng không thiết yếu, dịch vũ viễn thông, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, vận tải, tổ chức, nguyên vật liệu, dịch vụ tài chính...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đã tăng được dẫn dắt bởi các cổ như FPT, CMG, VIC, VHM, KDH, NVL, CII, PDR, CEO, IDC, TAL, BVH, MIG, BIC, GEE, GEX, VGC, VCG, CTD, PC1, DPG, HBC, VGT, MSH, TNG, VGI, FOX, CTR, MCH, MSN, VNM, SAB, HAG, DBC, ANV, VHC, ACV, HVN, VJC, VSC, HAH, CTG, LPB, HDB, STB, SHB, TCB, HPG, GVR, DGC, MSR, DPM, DCM, DDV, HSG, NKG, HPG, VIX, HCM, SSI, MBS, BSI ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) CII tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới gợi ý khả năng giá có Break out;
- ✓ Phân kỳ dương giữa giá và RSI(14) với mô hình hai đáy cảnh báo sự đảo chiều;
- ✓ Cổ phiếu có nhiều dấu hiệu kết thúc sóng 4 giảm giá và hình thành sóng 5 với mục tiêu 33 -41. NĐT có thể cân nhắc mua vào cổ phiếu này;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(ii) PDR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ PDR vận động theo mô hình sóng đối kháng giảm giá 4 theo mẫu ABC trong đó C có 5 sóng nhỏ và hiện đang giao dịch quanh vùng hỗ trợ 20;
- ✓ Phân kỳ dương giữa giá và RSI(14) cảnh báo tín hiệu đảo chiều tăng giá;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

(iii) NKG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ NKG đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 23;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iv) VCG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";

- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang giao dịch quanh vùng giá hỗ trợ của sóng 4 giảm giá trung hạn với mô hình ABC quanh vùng hỗ trợ 22 – 23. Nếu tạo đáy thành công, VCG sẽ hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 32;
- ✓ Chúng tôi cho rằng VCG đang bị đánh giá thấp trong ngắn hạn. Về mặt lịch sử, chúng tôi kỳ vọng các doanh nghiệp ngành xây lắp có thể tăng trưởng mạnh trong chu kỳ 2026 (Chi tiết chúng tôi sẽ cung cấp trong báo cáo chiến lược phát hành tuần tới);
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(v) VSC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu phục hồi từ ngưỡng hỗ trợ động MA(200) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Phân kỳ dương giữa giá và RSI(14) cảnh báo sự đảo chiều – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(2) Hôm nay chỉ có một số mã đơn lẻ giảm giá còn toàn thị trường đều tăng điểm...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đã giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VCI, BCM, TLG...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VCI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VCI vẫn trong mô hình 5 sóng giảm giá;
- ✓ Sóng 4 đối kháng sẽ có kháng cự 39 – 42. Cổ phiếu cần có Break out kháng cự này để xác nhận mô hình tăng giá quay trở lại;
- ✓ VCI mảng cho vay còn nhiều dư địa nhưng không phải là điểm mạnh. Mảng tự doanh hiện đang nắm KDH, IDP, MBB, STB, FPT, TDM...
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(ii) BCM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng thu hẹp cho thấy biến động đi ngang của cổ phiếu trong khung giá 63 – 68. Chúng tôi chưa thấy dòng tiền thay đổi ở cổ phiếu này. NĐT nên quan sát;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: VN-Index chờ mô hình xác nhận cây nến ngày 7/11/2025

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Marubozu”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng vẫn nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 465 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: HPG, VIC, FPT, MSN, VNM, SSI, TCB, KDH, NKG, VSC... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VCI, HDB, VIX, STB, TCX, MBB, VND, DXG, VRE, EIB...Hôm nay, tổ chức trong nước, tự doanh là nhóm mua ròng còn cá nhân trong nước, cá nhân nước ngoài và tổ chức nước ngoài bán ròng.

(ii) VN-Index đóng cửa vượt mốc tâm lý 1,600 điểm. Chúng tôi rất thích vận động của thị trường hiện tại. Đây cũng là điều chúng tôi kỳ vọng rằng việc phá vỡ hỗ trợ 1,600 điểm chỉ là Fake out một pha rũ bỏ và thị trường sẽ có đáy và đi lên sau giai đoạn đi biên. Chúng ta có cây nến ngày 7/11/2025 là cây nến kéo xuống thủng mốc hỗ trợ 1,600 điểm và theo mô hình kỹ thuật thì điểm mua chỉ xuất hiện khi chỉ số tăng điểm xóa sạch cây nến giảm giá ngày 7/11/2025.

Các cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh là: DCL, BFC...

Các cổ phiếu mua tích lũy là: BID...

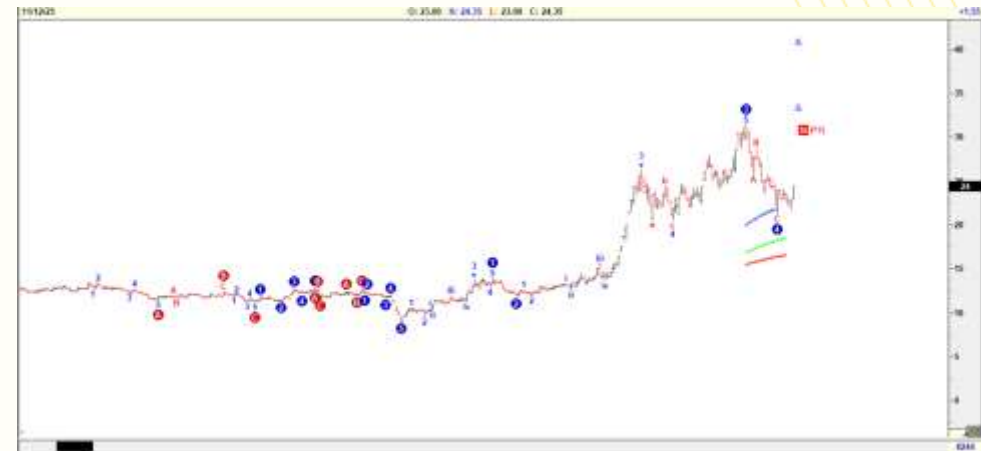
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 08 mã cho tín hiệu mua, 03 mã cho tín hiệu bán, 19 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã VIC, MWG, BID, BVH, MSN, VCG, GAS ...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 57% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ tăng điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Hỗ trợ là 1,531 điểm và kháng cự là 1,660 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu CII



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	574.03	572.82	575.25	NO	582.27	588.07	596.31	602.11	568.23	559.99	554.19	545.95
HNINDEX	263.69	263.14	264.24	NO	266.2	267.61	270.12	271.53	262.28	259.77	258.36	255.85
UPINDEX	119.02	119.02	119.03	YES	119.73	120.42	121.13	121.82	118.33	117.62	116.93	116.22
VN30	1856.19	1848.15	1864.23	NO	1888.39	1904.52	1936.72	1952.85	1840.06	1807.86	1791.73	1759.53
VNINDEX	1620.05	1614.15	1625.95	NO	1643.67	1655.48	1679.1	1690.91	1608.24	1584.62	1572.81	1549.19
VNXALL	2773.11	2761.35	2784.86	NO	2820.46	2844.31	2891.66	2915.51	2749.26	2701.91	2678.06	2630.71
VN30FIM	1855.4	1847.8	1863	NO	1891.1	1911.6	1947.3	1967.8	1834.9	1799.2	1778.7	1743
VN30FIQ	1848.47	1838.9	1858.03	NO	1886.73	1905.87	1944.13	1963.27	1829.33	1791.07	1771.93	1733.67
VN30F2M	1851.93	1842.9	1860.97	NO	1888.07	1906.13	1942.27	1960.33	1833.87	1797.73	1779.67	1743.53
VN30F2Q	1840.63	1833	1848.27	NO	1871.27	1886.63	1917.27	1932.63	1825.27	1794.63	1779.27	1748.63
BID	38.15	38.1	38.2	NO	38.5	38.75	39.1	39.35	37.9	37.55	37.3	36.95
ACB	25.07	25	25.13	NO	25.33	25.47	25.73	25.87	24.93	24.67	24.53	24.27
BCM	66.57	66.4	66.73	NO	67.33	67.77	68.53	68.97	66.13	65.37	64.93	64.17
BVH	55.13	54.7	55.57	NO	57.17	58.33	60.37	61.53	53.97	51.93	50.77	48.73
CTG	48.93	48.8	49.07	NO	49.77	50.33	51.17	51.73	48.37	47.53	46.97	46.13
GVR	28.3	28.23	28.38	NO	28.65	28.85	29.2	29.4	28.1	27.75	27.55	27.2
GAS	61.5	61.3	61.7	NO	62.4	62.9	63.8	64.3	61	60.1	59.6	58.7
FPT	99.23	98.55	99.92	NO	101.97	103.33	106.07	107.43	97.87	95.13	93.77	91.03
HDB	29.8	29.7	29.9	NO	30.3	30.6	31.1	31.4	29.5	29	28.7	28.2
HPG	26.92	26.88	26.96	NO	27.18	27.37	27.63	27.82	26.73	26.47	26.28	26.02
LPB	48.28	48.1	48.47	NO	49.22	49.78	50.72	51.28	47.72	46.78	46.22	45.28
MBB	23.57	23.5	23.63	NO	23.93	24.17	24.53	24.77	23.33	22.97	22.73	22.37
MSN	79	78.9	79.1	NO	79.7	80.2	80.9	81.4	78.5	77.8	77.3	76.6
MWG	79.63	79.2	80.07	NO	81.37	82.23	83.97	84.83	78.77	77.03	76.17	74.43
PLX	33.95	33.9	34	NO	34.15	34.25	34.45	34.55	33.85	33.65	33.55	33.35
SAB	46.88	46.85	46.92	YES	47.17	47.38	47.67	47.88	46.67	46.38	46.17	45.88
SSB	16.98	16.9	17.07	NO	17.37	17.58	17.97	18.18	16.77	16.38	16.17	15.78
SHB	16.05	15.92	16.17	NO	16.55	16.8	17.3	17.55	15.8	15.3	15.05	14.55
SSI	35.38	35.32	35.44	NO	35.97	36.43	37.02	37.48	34.92	34.33	33.87	33.28
TCB	34.53	34.3	34.77	NO	35.47	35.93	36.87	37.33	34.07	33.13	32.67	31.73
STB	50.02	49.72	50.31	NO	51.18	51.77	52.93	53.52	49.43	48.27	47.68	46.52
TPB	17.12	17.02	17.21	NO	17.48	17.67	18.03	18.22	16.93	16.57	16.38	16.02
VCB	59.4	59.35	59.45	YES	59.8	60.1	60.5	60.8	59.1	58.7	58.4	58
VHM	93.03	92.55	93.52	NO	95.97	97.93	100.87	102.83	91.07	88.13	86.17	83.23
VIB	18.52	18.45	18.58	NO	18.78	18.92	19.18	19.32	18.38	18.12	17.98	17.72
VJC	174.47	173.65	175.28	NO	178.63	181.17	185.33	187.87	171.93	167.77	165.23	161.07
VIC	207.33	205.4	209.27	NO	215.07	218.93	226.67	230.53	203.47	195.73	191.87	184.13
VPB	27.93	27.9	27.97	NO	28.37	28.73	29.17	29.53	27.57	27.13	26.77	26.33
VNM	59.43	59.25	59.62	NO	60.37	60.93	61.87	62.43	58.87	57.93	57.37	56.43
VRE	32.25	31.97	32.53	NO	33.4	34	35.15	35.75	31.65	30.5	29.9	28.75

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
TCX	3,784,500	1,527,310	248	-0.12
DCL	2,613,700	1,205,600	217	6.47
MZG	1,645,200	391,190	421	6.29
GEE	1,240,200	232,970	532.34	6.94
AFX	1,057,600	216,530	488	10
JVC	1,055,900	223,040	473	0.14
C69	1,020,300	314,520	324.4	7.56
TNT	982,800	64,560	1,522	4.88
FIR	775,100	249,510	311	1.24
TNI	723,500	123,220	587.16	6.84
ASM	710,200	332,030	214	1.62
CTP	547,400	150,980	363	0
DHA	541,600	159,500	340	6.38
QNS	359,100	133,230	270	-0.45
TV2	321,400	130,020	247.19	3.44
SJM	218,200	21,790	1,001	14.63
LSG	197,300	88,350	223	0.59
CCC	196,700	39,650	496	4.55
BKG	189,500	82,830	229	0
PBC	141,200	58,420	241.7	6.25
PFL	125,300	51,050	245	0
ILA	123,200	26,300	468	-1.89
STH	117,800	48,680	242	3.62
HLC	116,300	51,510	226	9.37
SD9	107,600	3,540	3039.55	-1.69
PGB	98,400	28,070	351	-0.79
HHG	93,800	40,030	234	0
TS3	70,500	19,320	365	-1.59
HNA	70,300	8,470	830	-0.68
UDC	56,400	9,350	603	-5.41
BDT	52,300	17,170	305	1.1
KHS	52,300	11,990	436	-2.87
CBS	52,100	23,810	219	-3.46
SDT	45,700	15,030	304	0
SHN	45,000	13,380	336	0
SMB	44,700	21,230	211	-0.71
LBM	39,300	6,390	615	2.16
DXV	37,800	16,000	236	-1.07
HMR	37,000	8,670	427	0
TVD	34,100	16,240	210	3

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: TCX, DCL...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
12-Nov	CII	Mua	≤ 25	10% -20%	Sóng 4 giảm giá có dấu hiệu kết thúc/Sóng 5 tăng giá chưa hình thành
12-Nov	HPG	Mua	≤ 27.5	10% -20%	Cổ phiếu thích hợp đầu tư trung hạn
12-Nov	NKG	Mua	≤ 17.5	10% -20%	Sóng 4 giảm giá có dấu hiệu kết thúc/Sóng 5 tăng giá chưa hình thành

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 03 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 11/11, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.118 VND/USD, tăng 12 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.913 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.323 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.318 VND/USD, tăng trở lại 18 đồng so với phiên 10/11. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 120 đồng ở chiều mua vào và 100 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 27.580 VND/USD và 27.650 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 11/11, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,10 – 0,20 đpt ở các kỳ hạn ON và 1W trong khi giảm 0,02 – 0,25 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M so với phiên đầu tuần, giao dịch tại: ON 6,20%; 1W 6,20%; 2W 6,00% và 1M 6,08%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M, giao dịch tại: ON 3,92%; 1W 3,98%; 2W 4,02%, 1M 4,05%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động trái chiều, chốt phiên: 3Y 2,93%; 5Y 3,18%; 7Y 3,44%; 10Y 3,84%; 15Y 3,92%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên hôm qua, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 7.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 15.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày và 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 105 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 3.471,93 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 4.746,98 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 10.772,27 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày và 2.642,69 tỷ đồng ở kỳ hạn 105 ngày. Có 10.000 tỷ đồng đáo hạn phiên 10/11. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN bơm ròng 11.633,87 tỷ đồng ra thị trường trong phiên hôm qua. Có 296.380,31 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Việt Nam trở thành đối tác sản xuất châu Á phát triển nhanh nhất của Ba Lan

Theo thông tin tình báo thị trường của GTAIC, kim ngạch nhập khẩu của Ba Lan từ Việt Nam đã tăng trưởng nhanh chóng trong thập kỷ qua, từ 1,91 tỷ USD năm 2017 lên 5,67 tỷ USD năm 2024 và đạt 3,42 tỷ USD trong nửa đầu năm 2025 - tăng 29,8% so với cùng kỳ năm trước. Sự tăng trưởng này nhấn mạnh sự phát triển của Việt Nam từ một nước xuất khẩu hàng dệt may và giày dép giá rẻ thành một đối tác sản xuất và công nghệ đa dạng trong chuỗi cung ứng của châu Âu.

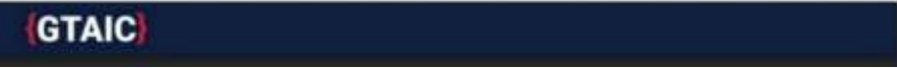
Cơ cấu thương mại được dẫn dắt bởi điện thoại thông minh, máy xử lý dữ liệu và giày dép, chiếm hơn một nửa kim ngạch nhập khẩu của Ba Lan từ Việt Nam. Tăng trưởng dài hạn mạnh nhất là ở lĩnh vực điện tử và linh kiện máy móc, với kim ngạch nhập khẩu máy xử lý dữ liệu tăng 294% và linh kiện máy móc tăng 101% chỉ riêng trong năm 2025. Các thế mạnh truyền thống về giày dép, cà phê và đồ nội thất vẫn vững vàng, tạo nên một nền tảng xuất khẩu cân bằng.

Về trung hạn, sự gia tăng của hàng công nghiệp và hàng trung gian tại Việt Nam – chẳng hạn như bộ chuyển đổi điện, cáp điện, bộ vi xử lý và kết cấu thép – đánh dấu một sự chuyển dịch rõ ràng sang tích hợp sản xuất dựa trên công nghệ. Các mặt hàng xuất khẩu tăng trưởng nhanh nhất hiện nay tập trung vào điện tử, thiết bị điện và vật liệu kỹ thuật, phản ánh sự chuyển dịch của Việt Nam sang sản xuất giá trị trung bình đến cao.

Nhìn chung, kim ngạch nhập khẩu của Ba Lan từ Việt Nam cho thấy sự chuyển dịch toàn diện trong thương mại song phương, từ hàng hóa thâm dụng lao động sang hàng xuất khẩu chế tạo phức tạp. Sự chuyển dịch này đưa Việt Nam trở thành một trong những đối tác châu Á năng động nhất của Ba Lan, làm nền tảng cho quá trình chuyển đổi công nghiệp và đa dạng hóa chuỗi cung ứng rộng lớn hơn của Trung Âu.

Top 25 Goods imported in Last Available Period

HS Code	Good Description	Import in LAP, M\$	Growth Rate in Last Available Period, %	5Y CAGR, %	Share in Total Imports in LAP, %
8517	Wireless Network Telephones	471.93	5.01%	34.49%	13.80%
6404	Textile Footwear	228.54	26.48%	15.47%	6.69%
8471	Data Processing Machines	214.35	292.60%	36.92%	6.27%
6403	Leather Footwear	192.77	10.88%	19.22%	5.64%
8524	Flat Panel Display Modules	185.72	-12.01%	-2.82%	5.43%
8473	Machinery Parts and Accessories	144.82	99.67%	63.09%	4.24%
6402	Rubber and Plastic Footwear	125.26	28.81%	18.50%	3.66%
8529	Transmission Apparatus Parts	103.25	425.80%	-33.97%	3.02%
8528	Monitors and Television Reception Appar..	90.30	14.56%	74.99%	2.64%
0901	Coffee and Coffee Substitutes	76.59	53.62%	5.36%	2.24%
2101	Coffee Tea and Chicory Extracts	59.06	92.87%	39.05%	1.73%
6204	Women's Apparel	57.36	47.57%	23.87%	1.68%
8526	Radar Navigation and Remote Control	57.27	-9.85%	24.75%	1.68%
8901	Marine Vessel Transport	55.40	63.41%	200.00%	1.62%
6203	Men's Boys' Outerwear	53.12	46.42%	15.00%	1.55%
8443	Printing Machinery	46.81	16.56%	37.11%	1.37%
4202	Leather and Textile Travel Cases	45.83	14.86%	21.75%	1.34%
8518	Audio Amplifiers and Sound Equipment	44.63	1.27%	20.59%	1.31%
4011	New Rubber Pneumatic Tyres	38.85	65.46%	50.22%	1.14%
3907	Primary Polymers	37.47	-30.35%	141.33%	1.10%
8512	Vehicle Lighting and Wipers	32.84	-0.94%	134.60%	0.96%
6202	Women's Outerwear	32.36	3.30%	35.47%	0.95%
6109	Knitted Crocheted Vests	30.57	13.28%	37.06%	0.89%
8411	Gas Turbine Engines	29.94	313.02%	121.49%	0.88%
7210	Iron Steel Flat Rolled Coated	29.06	99.73%	150.05%	0.85%



Dow Jones sẽ tăng giá nhưng công nghệ chịu áp lực điều chỉnh giảm

Ngành bán dẫn có chinh phục kháng cự giảm giá trung hạn thành công ?



Disney có Break out mô hình Bullish Falling Wedge – Tín hiệu tích cực



Dòng tiền đang quay trở lại Dow Jones ?



S&P 500 hướng tới mốc 7,000 điểm ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

